

Số: 4430/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Thực hiện Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh năm 2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp; Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2020 đối với 27 thủ tục và nhóm thủ tục hành chính thuộc các ngành: Tư pháp; Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Công Thương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Giám đốc các Sở: Tư pháp; Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Công Thương triển khai thực thi phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính sau khi được Chính phủ, các Bộ, ngành thông qua.

Điều 3. Giao Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, LĐ-TB&XH, VH, TT&DL, Y tế, Công Thương;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó VP;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, PC₁.

Ng

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Lĩnh

Nguyễn Hồng Lĩnh

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 25/12/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH TƯ PHÁP

1. Thủ tục: Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng”.

Lý do: Từ thực tiễn cho thấy, trước khi thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng, Văn phòng công chứng gửi hồ sơ chuyển nhượng đến Sở Tư pháp, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng. Nếu UBND tỉnh đồng ý cho phép chuyển nhượng thì sẽ gửi Quyết định cho phép chuyển nhượng về Sở Tư pháp để trả kết quả cho tổ chức. Sở Tư pháp lưu lại 01 bản sao Quyết định này để phục vụ hoạt động quản lý. Do đó, khi thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, Văn phòng công chứng được chuyển nhượng không cần thiết phải nộp Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng cho Sở Tư pháp.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

2. Thủ tục: Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng”.

Lý do: Từ thực tiễn cho thấy, trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất, Văn phòng công chứng gửi hồ sơ hợp nhất đến Sở Tư pháp, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất. Khi UBND tỉnh cho phép hợp nhất thì sẽ gửi Quyết định cho phép hợp nhất về Sở Tư pháp để trả kết quả cho tổ chức. Sở Tư pháp lưu lại 01 bản sao Quyết định này để phục vụ hoạt động quản lý. Do đó, khi đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất, Văn phòng công chứng hợp nhất không cần thiết phải nộp Quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng cho Sở Tư pháp.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

3. Thủ tục: Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng”.

Lý do: Từ thực tiễn cho thấy, trước khi thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập, Văn phòng công chứng gửi hồ sơ sáp nhập đến Sở Tư pháp, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập. Khi UBND tỉnh cho phép sáp nhập thì sẽ gửi Quyết định cho phép sáp nhập về Sở Tư pháp để trả kết quả cho tổ chức. Sở Tư pháp lưu lại 01 bản sao Quyết định này để phục vụ hoạt động quản lý. Do đó, khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, Văn phòng công chứng không cần thiết phải nộp Bản sao Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng cho Sở Tư pháp.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

4. Thủ tục: Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp giấy đăng ký hoạt động bị mất

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ yêu cầu “Chứng minh về việc Giấy đăng ký hoạt động đã bị mất”.

Lý do: Việc chứng minh Giấy đăng ký hoạt động đã bị mất không khả thi.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 4 Điều 14 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.

5. Thủ tục: Đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp”.

Lý do: Từ thực tiễn cho thấy, trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động, Văn phòng giám định tư pháp gửi hồ sơ xin phép thành lập đến Sở Tư pháp, Sở Tư pháp trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập. Nếu Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý cho phép thành lập thì sẽ gửi Quyết định cho phép thành lập về Sở Tư pháp để trả kết quả cho tổ chức. Sở Tư pháp lưu lại 01 bản sao Quyết định này để phục vụ hoạt động quản lý. Do đó, khi đăng ký hoạt động, Văn phòng giám định tư pháp không cần thiết phải nộp Bản sao Quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp cho Sở Tư pháp.

5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 2 Điều 17 Luật Giám định tư pháp.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Thủ tục: Đăng ký khai tử

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị cắt giảm thành phần hồ sơ “Giấy báo tử đối với các trường hợp công dân có hộ khẩu thường trú tại xã khi từ trần”.

Lý do: Theo Điểm đ Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ, thì “Đối với người chết không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c và d của khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết có trách nhiệm cấp Giấy báo tử”. Như vậy, đối với trường hợp người cư trú tại địa phương chết tại địa phương thì UBND xã vừa phải cấp giấy báo tử, vừa thực hiện thủ tục đăng ký khai tử, như vậy sẽ tăng thêm thủ tục, rườm rà, phiền hà cho người dân.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm đ Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.

2. Thủ tục: Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bổ sung quy định về thời gian giải quyết đối với các cơ quan liên quan trong thực hiện việc đính chính thông tin tại Điểm b Khoản 3 Điều 48 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/05/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công và thân nhân.

Lý do: Tại Khoản 2 Điều 48 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công và thân nhân quy định về nguyên tắc sửa đổi thông tin trong hồ sơ người có công “cơ quan nào cấp giấy tờ thì cơ quan đó có thẩm quyền sửa đổi”. Tuy vậy, thời hạn giải quyết việc sửa đổi thông tin chỉ quy định “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 20 ngày từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin và có văn bản kèm giấy tờ làm căn cứ để đính chính thông tin gửi cơ quan có thẩm quyền giải quyết” mà không quy định thời gian cho các cơ quan khác.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 3 Điều 48 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/05/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công và thân nhân.

3. Thủ tục: Giám định vết thương còn sót

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bổ sung mẫu đơn, mẫu tờ khai thủ tục hành chính.

Lý do: Hiện nay chưa quy định mẫu đơn, mẫu tờ khai cho đối tượng thực hiện thủ tục Giám định vết thương còn sót; gây khó khăn cho đối tượng trong quá trình kê khai hồ sơ, cũng như sự không thống nhất giữa nội dung.

3.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung quy định mẫu đơn, mẫu tờ khai giám định vết thương còn sót tại Điều 21 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/05/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công và thân nhân (thành phần thủ tục yêu cầu có đơn nhưng chưa có mẫu đơn).

4. Thủ tục: Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Theo quy định tại Điều 5 Thông tư 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 về việc hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng quy định: “Ngoài quy định tại Khoản 2 Điều 27 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/05/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công và thân nhân, bổ sung một trong các giấy tờ chứng minh thời gian tham gia hoạt động kháng chiến tại các vùng mà quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học như sau:...”. Như vậy, có thể hiểu theo 2 cách dẫn đến chòng chéo nhau giữa Thông tư 16 và Thông tư 05 (có nghĩa ngoài những giấy tờ theo Thông tư 05 phải bổ sung cả những giấy tờ theo Thông tư 16 hay là chỉ cần bổ sung một trong các giấy tờ ở Thông tư 05 hoặc Thông tư 16).

Tại Điều 5 Thông tư 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 về việc hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, quy định bổ sung giấy tờ có giá trị pháp lý (Giấy xác nhận của cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng về phiên hiệu, ký hiệu, thời gian và địa bàn hoạt động của đơn vị) để giải quyết chế độ mà không quy định thời gian trong giấy xác nhận là không phù hợp với những nội dung theo quy định trên vì các giấy tờ khác đều yêu cầu phải xác lập trước năm 2000.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 về việc hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

5. Thủ tục: Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm đối với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ lao Động- Thương binh và Xã hội đã bãi bỏ Điều 9 của Nghị định 52/2014/NĐ-CP về điều kiện bộ máy chuyên trách để thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm. Điều này là không hợp lý bởi hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp (được quy định tại Điều 3 Văn bản hợp nhất số 4947/VBHN-BLĐTBXH ngày

22/11/2019) là hoạt động cần thiết phải có những người lao động có trình độ chuyên môn, am hiểu chính sách pháp luật.

5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 10/8/2018, theo đó vẫn giữ nguyên quy định tại Điều 9 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP; đồng thời để đảm bảo quy định này, kiến nghị hồ sơ của nhân viên kèm theo thủ tục hành chính: Sơ yếu lý lịch, bản sao Giấy khám sức khỏe, bản sao Văn bằng chứng chỉ, bản sao hợp đồng lao động và các giấy tờ kèm theo khác (nếu có).

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. Thủ tục: Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch:

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch”.

Lý do: Đây là những nội dung thuộc về thẩm quyền quản lý của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước không cần thiết phải quản lý sâu về chuyên môn nghiệp vụ của các cơ sở lưu trú.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Điểm d Khoản 4 Điều 50 Luật Du lịch năm 2017.

2. Thủ tục: Cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao có chứng thực Quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành”.

Lý do: Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ lữ hành thì các doanh nghiệp chủ động trong mọi vấn đề về nhân sự và chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác quản lý nhân sự tại đơn vị lữ hành, vì vậy cơ quan quản lý nhà nước không nhất thiết phải quản lý sâu vào vấn đề này mà chỉ quản lý về mặt cơ chế vận hành sao cho đúng với quy định pháp luật và thực hiện hậu kiểm.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Điểm d Khoản 1 Điều 32 Luật Du lịch năm 2017.

3. Thủ tục: Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” .

Lý do: Yêu cầu thành phần hồ sơ nói trên là không cần thiết bởi vì trong hồ sơ đã có mẫu đơn có đóng dấu và có cam kết và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp với những nội dung đã kê khai.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Điểm c Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.

4. Thủ tục: Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các loại giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương khác và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (nếu có)”.

Lý do: Trong mẫu đơn đề nghị xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu đã có ghi rõ số ký hiệu của các giấy tờ liên quan đến tư cách pháp nhân của doanh nghiệp hoặc cá nhân, tổ chức đề nghị và có cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai nên không cần cung cấp bản sao có chứng thực những loại giấy tờ nêu trên.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Điểm c Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.

5. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa cơ sở kinh doanh giám định cổ vật và các chuyên gia”.

Lý do: Các đơn vị đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật tự chịu trách nhiệm về nhân sự và chuyên gia để phục vụ cho

công việc kinh doanh của mình nên cơ quan quản lý không nhất thiết phải quản lý nhân sự của các đơn vị này.

5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Điểm d Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

6. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc..”.

Lý do: Trong mẫu đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đã có quy định phải ghi rõ danh sách và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật của cá nhân tổ chức nên không cần thiết phải có bản sao danh sách này.

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.

7. Thủ tục: Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch:

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch”.

Lý do: Trong hồ sơ cấp giấy phép kinh doanh và Luật Du lịch cũng như các văn bản dưới luật đã có quy định. Khi nhận được đơn đề nghị, cơ quan quản lý phải kiểm tra thực tế, đối chiếu các hạng mục tại cơ sở với các quy định nếu đảm bảo theo yêu cầu thì cấp phép công nhận.

7.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch” quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 56, Luật Du lịch năm 2017.

8. Thủ tục: Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn

8.1. Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: “Bản phối cảnh đặt vị trí quảng cáo”.

Lý do: Yêu cầu thành phần hồ sơ nói trên là không cần thiết bởi vì trong hồ sơ đã có văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo có nêu rõ nội dung, thời gian, địa điểm quảng cáo, có đóng dấu và có cam kết và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp với những nội dung đã kê khai.

8.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Khoản 7 Điều 29 Luật Quảng cáo năm 2012.

9. Thủ tục: Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu

9.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ: “Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”.

Lý do: Trong mẫu đơn đề nghị phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh đã có ghi rõ giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân có số cụ thể đã được mã hóa trên phần mềm hoặc có thể dùng bản chính để đối chiếu; có cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai nên không cần cung cấp bản sao những loại giấy tờ nêu trên.

9.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Tiết 4 Điểm d Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

10. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND tỉnh).

10.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị đơn giản hóa các thành phần hồ sơ: “Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm: Tình hình tài chính hiện có của cơ sở và nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở”.

Lý do: Đây là một tổ chức xã hội nghề nghiệp nên việc đảm bảo tài chính không cần thiết phải bắt buộc. Cơ sở tự chịu trách nhiệm về tài chính để đảm bảo hoạt động ổn định và có hiệu quả.

10.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ các thành phần hồ sơ “Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm: Tình hình tài chính hiện có của cơ sở và nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở” quy định tại Khoản 4, Điều 3, Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH Y TẾ

1. Nhóm thủ tục:

- Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

- Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”.

Lý do: “Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” là không cần thiết, vì trong thành phần khác của hồ sơ là “Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” đã bao gồm nội dung kê khai danh sách đăng ký hành nghề.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1 Điều 46 Luật khám bệnh, chữa bệnh 2009.

2. Nhóm thủ tục:

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền);

- Đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ yêu cầu chứng thực đối với thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược”.

Lý do: Thành phần hồ sơ: “Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược” thì phần chứng thực bản sao là không cần thiết, vì Sở Y tế cấp chứng chỉ hành nghề dược cho người hành nghề trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý nên Sở Y tế đã có thông tin theo dõi chứng chỉ của người hành nghề. Việc bãi bỏ phần chứng thực đối với thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược” vừa hợp lý và có tính hợp pháp, đồng thời tiết kiệm được chi phí cho cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 38 của Luật Dược năm 2016.

3. Thủ tục: Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ yêu cầu chứng thực đối với thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề dược”.

Lý do: Chứng chỉ hành nghề dược” do Sở Y tế cấp nên Sở đã có danh sách theo dõi và quản lý các cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề dược trên địa bàn.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm d Khoản 1 Điều 38 của Luật Dược năm 2016.

4. Thủ tục: Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ “Phiếu lý lịch tư pháp” đối với cá nhân nộp hồ sơ là cán bộ viên chức nhà nước.

Lý do: Từ thực tiễn cho thấy, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính này chủ yếu là cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nhà nước, mọi thông tin liên quan đến việc vi phạm pháp luật của của viên chức này đều được cơ quan trực tiếp quản lý nắm bắt, xử lý tại chỗ và báo cáo về Sở Y tế, do vậy thành phần hồ sơ “Phiếu lý lịch tư pháp” không cần thiết đối với cá nhân nộp hồ sơ là cán bộ viên chức nhà nước.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Điểm đ Khoản 1 Điều 27 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009.

V. NGÀNH CÔNG THƯƠNG

1. Nhóm thủ tục:

Huấn luyện và cấp thẻ an toàn điện (Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện, Huấn luyện và cấp sửa đổi bổ sung thẻ an toàn điện)

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị đơn giản hóa cách thức thực hiện việc huấn luyện và cấp thẻ an toàn điện.

Lý do: Hiện nay việc huấn luyện và cấp thẻ an toàn điện được quy định chi tiết tại Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện trong đó quy định thời gian huấn luyện lần đầu ít nhất 24 giờ, thời gian huấn luyện định kỳ hàng năm ít nhất 08 giờ...; nếu để thực hiện thủ tục hành chính này với một hoặc một số ít cá nhân đăng ký tổ chức huấn luyện là rất khó khăn bởi vì phải chuẩn bị tài liệu, lớp học, thời gian huấn luyện theo quy định mới có thể cấp thẻ.

1.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương bãi bỏ hoặc có phương án sửa đổi thủ tục hành chính liên quan đến việc huấn luyện và cấp thẻ an toàn điện. Để thực hiện việc cấp thẻ an toàn điện, hàng năm các cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng kế hoạch, thông báo cho các tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức huấn luyện sẽ khả thi, giảm lãng phí trong tổ chức huấn luyện, kiểm tra.

2. Thủ tục: Thẩm định dự án hoặc thiết kế cơ sở; Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật; thiết kế và dự toán xây dựng công trình nhóm B, C thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Hiện nay Sở Công Thương thực hiện thẩm định dự án hoặc thiết kế cơ sở; Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật; thiết kế và dự toán xây dựng công trình nhóm B, C thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương theo quy định tại các văn bản gồm: Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình và Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Tuy vậy, do Bộ Công Thương chưa ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính thẩm định dự án hoặc thiết kế cơ sở; Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật; thiết kế và dự toán xây dựng công trình nhóm B, C thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, do đó Sở Công Thương không có căn cứ trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các quy định có liên quan, sớm ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính để các địa phương có cơ sở công bố danh mục thủ tục hành chính.

3. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản hóa cách thức thực hiện thủ tục kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

Lý do: Hiện nay việc huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ trong đó quy định thời gian huấn luyện lần đầu ít nhất 16 giờ, thời gian huấn luyện định kỳ hàng năm ít nhất 08 giờ...; nếu để thực hiện thủ tục hành chính này với một hoặc một số ít cá nhân đăng ký tổ chức huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn

vật liệu nổ công nghiệp là rất khó khăn bởi vì phải chuẩn bị tài liệu, lớp học, thời gian huấn luyện theo quy định mới có thể Giấy chứng nhận.

3.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương bãi bỏ hoặc có phương án sửa đổi thủ tục hành chính liên quan đến việc huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp. Để thực hiện việc huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, hàng năm các cơ quan có thẩm quyền huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận chủ động xây dựng kế hoạch, thông báo cho các tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức huấn luyện theo đợt sẽ có tính khả thi cao hơn, góp phần làm giảm chi phí trong việc tổ chức huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

